

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 7 - 2019
“Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phúc Ân, ông Đới Văn Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2019/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Dương Văn P**, sinh năm 1965

Bị đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1967

Đều cư trú: Khu dân cư Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải anh P và chị H trình bày:

Anh P và chị H hôn với nhau ngày 06/01/1988, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện C (nay là phường P, thành phố C) và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị sống cùng nhau tại thị trấn P, huyện C (nay là phường P, thành phố C). Đến đầu năm 2013 thì chị H đi lao động tại Cộng hòa Liên bang Nga, anh P cùng con về sinh sống tại thôn Đ, xã A (nay là khu dân cư Đ, phường A, thành phố C), tỉnh Hải Dương. Đến đầu năm 2019 thì chị H về nước sống cùng nhà với anh P, đến ngày 19/5/2019 thì anh chị

chính thức sống ly thân nhau cho đến nay, không liên lạc và không quan tâm gì đến nhau.

Theo anh P thì vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H không biết chắt vén gia đình, buôn bán chứng khoán gây thất thoát kinh tế gia đình, anh chị đã phải bán nhà đất và các tài sản có giá trị để trả nợ, anh chị bàn bạc cho chị H nghỉ chế độ tại Công ty cổ phần nhiệt điện P để đi nước ngoài làm ăn. Nhưng khi chị H đi nước ngoài được khoảng 3 năm anh có liên lạc bảo về để chăm lo cho gia đình nhưng chị H không về. Từ đó, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, ít liên lạc với nhau. Khi chị H về nước, thì mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng không quan tâm đến nhau, có lúc anh cũng không muốn ở nhà vì không muốn nhìn thấy chị H. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài trong nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Theo chị H thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2016. Nguyên nhân là do thời điểm đó chị ở nước ngoài có nghe thông tin anh P ở nhà sống không chung thủy với chị, có người phụ nữ khác. Nên từ đó, mỗi lần liên lạc với nhau qua điện thoại là anh chị lại cãi nhau và cũng từ đó vợ chồng ít liên lạc và không quan tâm đến nhau. Khi chị về nước thì mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, thời gian đầu sống cùng nhà nhưng không quan tâm gì đến nhau. Chị xác định, tình cảm vợ chồng đã bị sút mẻ, chị cũng không còn biện pháp nào để níu kéo, cải thiện mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh P một phần cũng vì muốn các con có một gia đình hoàn chỉnh, đủ bố mẹ.

Về con chung: Anh P và chị H có 02 con chung là Dương Hoài N, sinh ngày 31/01/1993 và Dương Đức D, sinh ngày 04/4/2005. Hiện cháu N đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường, anh P và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu D hiện đang ở với chị H. Nếu phải ly hôn thì chị H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi chung với chị mức 3.000.000 đồng/tháng, anh P đồng ý.

Về tài sản chung: Anh P và chị H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh P và chị H trình bày toàn bộ nội dung và giữ nguyên quan điểm của mình như nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn P, cho anh P được ly hôn với chị Bùi Thị H.

- Về con chung: Giao con chung Dương Đức D, sinh ngày 04/4/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị H mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Anh P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, chị Bùi Thị H là bị đơn có nơi cư trú tại khu dân cư Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của anh P: Anh P và chị H kết hôn với nhau ngày 06/01/1988, trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P (nay là phường P, thành phố C), tỉnh Hải Dương, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Trong cuộc sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng với nhau về quan điểm trong việc chi tiêu và sử dụng kinh tế gia đình, vợ chồng thiếu lòng tin và thiếu tôn trọng nhau, chị H nghi ngờ anh P có quan hệ bất chính với người khác. Từ năm 2016 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và tình cảm bị sút mẻ. Đã nhiều năm anh chị không sống cùng nhau, từ khi chị H ở nước ngoài về thì mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, tuy sống cùng nhà nhưng việc ai người ấy làm, ít nói chuyện và không ăn chung, ngủ chung với nhau. Hiện tại anh chị đang sống ly và không quan tâm gì đến nhau. Chị H không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng bản thân chị cũng xác định tình cảm vợ chồng đã bị sút mẻ, chị không còn biện pháp nào để níu kéo, cải thiện mâu thuẫn vợ chồng nữa. Chính quyền địa P nơi anh chị cư trú cũng xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, khó có thể hàn gắn. Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng đến tại phiên tòa hôm nay anh P vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị H. Xét hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh P được ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: Con chung Dương Hoài N, sinh ngày 31/01/1993, hiện đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường, anh P và chị H đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Đối với con chung Dương Đức D, sinh ngày 04/4/2005, hiện nay đang ở cùng chị H, chị H đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu và yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mức 3.000.000 đồng/tháng, anh P đồng ý. Bản thân cháu D cũng có nguyện vọng

được ở với mẹ, nên giáo cháu D cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con với chị H mức 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 8/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi là phù hợp và đảm bảo được quyền lợi của con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh P và chị H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh P là nguyên đơn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn P, cho anh Dương Văn P được ly hôn chị Bùi Thị H.

- Về con chung: Giao con chung Dương Đức D, sinh ngày 04/4/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị H mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 8/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự, kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Anh Dương Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0001245 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành

án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Anh P còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 và điểm 4, điểm 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh
- UBND phường Phả Lại, thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lâm